

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-01-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Thúy Trinh.

Ông Dương Hữu Ưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn V, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, anh Dương Văn V trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn V và chị Dương Thị T được bố mẹ hai bên gia đình sắp đặt, anh và chị Dương Thị T cũng đồng ý và có tổ chức đăng ký kết hôn theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27/12/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống cùng bố mẹ anh V tại thôn B, xã V,

huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau một người con chung. Đến năm 2017, anh V phát hiện chị T ngoại tình, anh đã khuyên can và tha thứ cho nhưng chị T vẫn ngoại tình; sau đó chị T tự ý bỏ về nhà bố đẻ tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân và không liên lạc gì với nhau. Anh Dương Văn V xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị T.

Về con chung: Anh Dương Văn V và chị Dương Thị T có một người con chung tên là Dương Tuấn V1, sinh ngày 08/4/2015. Khi ly hôn anh Dương Văn V yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Tuấn V1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị Dương Thị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Bị đơn chị Dương Thị T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh, giao các văn bản tố tụng cho bố đẻ chị Dương Thị T là ông Dương Công T1 và tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án nguyên đơn anh Dương Văn V đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Dương Thị T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dương Văn V. Về con chung: Giao con chung là Dương Tuấn V1, sinh ngày 08/4/2015 cho anh Dương Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dương Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí, buộc nguyên đơn anh Dương Văn V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Dương Văn V khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Dương Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Dương Thị T không hợp tác mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bố đẻ chị T là ông Dương Công Thiện, ông Dương Công T1 cũng thừa nhận rằng các văn bản tố tụng do Tòa án giao cho ông, ông đã thông báo cho con gái là chị Dương Thị T nhưng chị T không đến Tòa và thông báo cho ông Thiện biết để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Dương Văn V và chị Dương Thị T được bố mẹ hai bên sắp đặt, sau đó lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy hôn nhân giữa anh V và chị T là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình: Do Đến năm 2017, anh V phát hiện chị T ngoại tình, anh đã khuyên can và tha thứ cho nhưng chị T vẫn ngoại tình; sau đó chị T tự ý bỏ về nhà bố đẻ tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân và không liên lạc gì với nhau. Anh Dương Văn V xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị T.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn gia đình giữa anh V và chị T thì được ông Dương Công T1 bố đẻ chị T cho biết chị Dương Thị T hiện nay đang đi làm công ty ở Bắc Ninh thỉnh thoảng về nhà thăm gia đình.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T ngoại tình mặc dù anh V và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Dương Thị T vẫn không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Dương Văn V đều trình bày không còn tình cảm vợ chồng với chị Dương Thị T, anh yêu cầu được ly hôn với chị Dương Thị T.

Chị Dương Thị T không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc anh Dương Văn V có đơn xin ly hôn với chị. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị T đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Dương Văn V yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Dương Văn V là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Có một người con chung tên là Dương Tuấn V1, sinh ngày 08/4/2015. Khi ly hôn anh Dương Văn V yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Tuấn V1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị Dương Thị T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Dương Thị T vắng mặt, không có ý kiến gì. Hiện nay cháu Dương Tuấn V1 đang ở cùng anh V và anh V đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1 nên chấp nhận yêu cầu của anh Dương Văn V được quyền nuôi con và không yêu cầu chị Dương Thị T phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh Dương Văn V trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Dương Văn V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Dương Văn V. Anh Dương Văn V được ly hôn với chị Dương Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Tuấn V1, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2015 cho anh Dương Văn V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Dương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Dương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Anh Dương Văn V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Dương Văn V đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05904 ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã V, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Công Đức